



**TRUNG TÂM TƯ VẤN
VÀ HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP**

GIÁ CẢ NÔNG SẢN

CHỢ TAM BÌNH - THỦ ĐỨC (Ngày 17/07/2020)

STT	Tên sản phẩm	Giá cả thị trường (VNĐ/kg)
I	Rau lá, củ quả	
1	Cải thảo	16.000
2	Xà lách búp	16.000
3	Cải bắp tròn	15.000
4	Cải ngọt	6.000
5	Cải bẹ xanh	13.000
6	Rau muống nước	18.000
7	Rau muống hạt	8.000
8	Cải thìa	10.000
9	Rau quế	18.000
10	Bầu	7.000
11	Su su	5.000
12	Khoai lang bí	7.000
13	Cà chua	16.000
14	Bông cải xanh	25.000
15	Cà rốt	20.000
16	Củ cải trắng	9.000
17	Su hào	9.000
18	Đậu hà lan	70.000
19	Đậu côve trắng	13.000
20	Khoai tây hồng	26.000
21	Bí đỏ	6.000
22	Bí xanh	11.000
23	Khổ qua	12.000
24	Dưa leo	9.000
25	Đậu bắp	9.000

26	Cà tím	8.000
27	Ốt cay Batri	40.000
28	Chanh giấy	33.000
29	Tỏi	90.000
30	Hành lá (hành hương)	41.000
31	Ngò rí	13.000
32	Rau dền	12.000
II	Trái cây	
1	Cam sành	16.000
2	Cam xoan	28.000
3	Quýt đường	33.000
4	Quýt tiêu	30.000
5	Bưởi da xanh	33.000
6	Bưởi năm roi	23.000
7	Xoài Đài Loan	18.000
8	Xoài cát Hòa Lộc	65.000
9	Xoài ghép	13.000
10	Xoài cát chu	0
12	Dưa hấu dài đỏ	20.000
13	Dưa hấu sọc	13.000
15	Thanh Long Bình Thuận	18.000
16	Thanh Long Long An	35.000
17	Đu đủ	25.000
18	Chôm chôm thái	45.000
19	Chôm chôm nhãn	28.000
20	Mãng cầu tròn	26.000
21	Nhãn huế	24.000
22	Nhãn xuống	43.000
23	Lồng mứt	0

+